TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST Ngày: 31-8-2023 V/v "tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Ngân;

Ông Nguyễn Quang Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 199/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện C, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Phùng Quốc T1, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện C, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T và ông T1 yêu thương nhau rồi đi đến cưới nhau vào năm 2009 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 22/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh B. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc hòa thuận nhưng đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không

tôn trọng lẫn nhau vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, ông T1 thường xuyên cờ bạc, không chăm lo làm ăn, không lo lắng cho gia đình vợ con từ đó dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài, không thể hàn gắn được và ông T1 và bà T đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Nay bà T cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Trong quá trình chúng sống thì giữa bà T với ông T1 có 02 người con chung là cháu Phùng Nguyễn Phúc N, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2011 và cháu Phùng Nguyễn Anh K, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2013. Nay ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phùng Nguyễn Phúc N và cháu Phùng Nguyễn Anh K. Bà T không yêu câu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn là ông Phùng Quốc T1 đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập, thông báo đến Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông T1 vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải và ghi nhận ý kiến của ông T1.

Kết quả thu thập chứng cứ: Theo kết quả xác minh ngày 01/8/2023, tại địa phương, nơi sinh sống của bà T, ông T1 ghi nhận được nội dung bà T và ông T1 nảy sinh mâu thuẫn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng nên làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T và ông Phùng Quốc T1 có đăng ký kết hôn, nay bà T xin ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hiện bị đơn ông Phùng Quốc T1 đang cư trú tại xã K, huyện C, tỉnh B, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Đức.

[2] Bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Phùng Quốc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bà T và ông T1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phùng Quốc T1 kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh B. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, ông T1 thường xuyên cờ bạc, không chăm lo làm ăn, không lo lắng cho gia đình vợ con từ đó dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài, không thể hàn gắn được và ông T1 và bà T đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay

Theo kết quả xác minh ngày 01/8/2023, tại địa phương, nơi sinh sống của bà T, ông T1 ghi nhận được nội dung ông T1 và bà T có mâu thuẫn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập các bên đến trụ sở Toà án nhằm để ghi nhận ý kiến và hoà giải, nhưng do ông T1 vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến và hòa giải hàn gắn được.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương nhận thấy có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, cả hai đều không có tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T1.

[4] Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 người con chung là cháu Phùng Nguyễn Phúc N, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2011 và cháu Phùng Nguyễn Anh K, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2013.

Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phùng Nguyễn Phúc N và cháu Phùng Nguyễn Anh K. Bà T không yêu câu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày nguyện vọng về con chung, nên Tòa án không thể ghi nhận nguyện vọng của ông T1 về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến, nguyện vọng của con trên 7 tuổi đối với cháu Phùng Nguyễn Phúc N, cháu Phùng Nguyễn Anh K và ghi nhận được nguyện vọng của cháu N, cháu K muốn sống chung với bà T.

Căn cứ vào ý kiến, nguyện vọng của nguyên đơn, người có quyền lợi và lợi ích được bảo vệ, để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu K. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T và ông T1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phùng Quốc T1.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao dục cháu Phùng Nguyễn Phúc N, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2011 và cháu Phùng Nguyễn Anh K, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2013; Ông Phùng Quốc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phùng Quốc T1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005248, ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/8/2023) các đương sự được quyền kháng cáo. Do bà T và ông T1 đều vắng mặt nên thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết có quyền yêu cầu Toà án tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc.

Nơi nhận:
- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- UBND xã Láng Lớn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Tiến